

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN DUP VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN DUP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM DUP ELECTRICAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DUPEEVN.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108617052

**3. Ngày thành lập:** 21/02/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 118 ngõ 8 Phố Cầu Bươu, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                | 4759        |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                     | 2640        |
| 3.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                      | 2740        |
| 4.  | Sản xuất thiết bị điện khác<br>Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng. | 2790(Chính) |
| 5.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                             | 3312        |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                 | 3313        |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                 | 3314        |
| 8.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                | 3320        |
| 9.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                               | 4221        |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                      | 4101        |
| 11. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                | 4102        |
| 12. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                          | 4211        |
| 13. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                           | 4212        |
| 14. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                    | 4222        |
| 15. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                     | 4223        |
| 16. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                               | 4291        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.<br>- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4299 |
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4649 |
| 19. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651 |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652 |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;<br>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4659 |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663 |
| 23. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4753 |
| 24. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7730 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8299 |
| 26. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2610 |
| 27. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4292 |
| 28. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4293 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết:<br>Hoạt động lắp đặt hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng. Cụ thể:<br>+ Dây dẫn và thiết bị điện,<br>+ Đường dây thông tin liên lạc,<br>+ Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học,<br>+ Hệ thống chiếu sáng,<br>+ Chuông báo cháy,<br>+ Hệ thống báo động chống trộm,<br>+ Tín hiệu điện và đèn trên đường phố | 4321 |
| 30. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4741 |
| 31. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.300.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN NGỌC HIỀN      | Thôn Bồng Lai, Xã Vũ Tiên, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 31.500     | 315.000.000           | 5,000     | 0340840077<br>12                                                                            |         |
|     |                     |                                                                                      | Tổng số           | 31.500     | 315.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
| 2   | BÙI XUÂN ĐO         | Thôn Bách Tính, Xã Bách Thuận, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 567.000    | 5.670.000.000         | 90,000    | 151405593                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                      | Tổng số           | 567.000    | 5.670.000.000         | 90,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ THU HIỀN | Thôn Thành Phú, Xã Định Tường, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 31.500     | 315.000.000           | 5,000     | 172970858                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                      | Tổng số           | 31.500     | 315.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI XUÂN ĐỘ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/01/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151405593

Ngày cấp: 10/02/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bách Tính, Xã Bách Thuận, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Bách Tính, Xã Bách Thuận, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội